

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường
Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,
Tỉnh Bình Dương

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2016	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 – 31

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,
Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016.

CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (được chuyển đổi từ Công ty TNHH Thép Đại Thiên Lộc theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4602000250 ngày 11 tháng 07 năm 2001) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700381282 ngày 12 tháng 04 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 13 tháng 06 năm 2014.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô CN8, Đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 614.356.040.000 VND.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Phó Chủ tịch
Ông Huỳnh Ngọc Mẫn	Thành viên
Ông Đỗ Thành Khiêm	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Đoàn Thị Bích Thúy	Trưởng ban
Bà Võ Thị Mỹ Dung	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Hòa	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Tổng Giám đốc
Bà Lâm Thị Kim Phượng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thanh Loan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Khang	Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,
Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghĩa

Tổng giám đốc

Bình Dương, ngày 12 tháng 08 năm 2016

Số: 17.159A/BCSX-RSM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc, được lập ngày 12 tháng 08 năm 2016, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

(Xem tiếp trang sau)

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Đặng Thị Hồng Loan
Phó Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0425-2013-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2016

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2.3 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,
Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		968.790.491.152	1.242.408.783.734
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	16.085.643.216	20.906.249.112
1. Tiền	111		786.268.216	5.206.249.112
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.299.375.000	15.700.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	56.467.972.445	70.292.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		56.467.972.445	70.292.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		520.644.909.493	635.251.610.198
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	70.714.128.071	497.670.013.792
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	56.822.459.989	17.137.530.058
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	404.078.215.202	131.413.960.117
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(11.091.174.189)	(11.091.174.189)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		121.280.420	121.280.420
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	370.066.718.838	479.644.853.677
1. Hàng tồn kho	141		370.271.953.585	485.838.033.590
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(205.234.747)	(6.193.179.913)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.525.247.160	36.314.070.747
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.11	288.237	865.065
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.167.095.539	36.312.743.682
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	357.863.384	462.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		711.396.281.901	720.694.423.551
I. Tài sản cố định	220		27.031.184.427	28.860.113.955
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	16.177.168.477	17.857.544.965
Nguyên giá	222		66.842.185.090	67.355.965.090
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(50.665.016.613)	(49.498.420.125)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	10.854.015.950	11.002.568.990
Nguyên giá	228		13.822.026.730	13.822.026.730
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.968.010.780)	(2.819.457.740)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.768.270.718	2.014.306.062
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	2.768.270.718	2.014.306.062
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	637.349.364.992	637.349.364.992
1. Đầu tư vào công ty con	251		646.194.000.000	646.194.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		68.477.795	68.477.795
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(8.913.112.803)	(8.913.112.803)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		44.247.461.764	52.470.638.542
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	43.998.763.483	44.571.107.539
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.29	248.698.281	7.899.531.003
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.680.186.773.053	1.963.103.207.285

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,
Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		911.388.465.169	1.222.842.566.922
I. Nợ ngắn hạn	310		910.918.465.169	1.222.372.566.922
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	143.798.790.645	571.043.271.506
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	173.006.105.299	15.587.318.266
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	1.180.737.210	8.508.989.666
4. Phải trả người lao động	314		252.554.354	224.078.980
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		598.358.146	119.457.624
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	49.779.673.535	45.026.113.889
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	542.095.449.811	581.448.090.822
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		206.796.169	415.246.169
II. Nợ dài hạn	330		470.000.000	470.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337		5.000.000	5.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.12	465.000.000	465.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		768.798.307.884	740.260.640.363
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.17	768.798.307.884	740.260.640.363
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		614.356.040.000	614.356.040.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		614.356.040.000	614.356.040.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		160.764.683.540	160.764.683.540
3. Cổ phiếu quỹ	415		(58.638.685.584)	(58.638.685.584)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		27.284.479.534	27.284.479.534
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.474.121.366	2.512.121.366
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		22.557.669.028	(6.017.998.493)
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		(6.017.998.493)	38.519.157.745
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		28.575.667.521	(44.537.156.238)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.680.186.773.053	1.963.103.207.285



Nguyễn Thanh Nghĩa
Tổng giám đốc

Bình Dương, ngày 12 tháng 08 năm 2016

Lê Ngọc Khang
Kế toán trưởng

Võ Thị Cẩm Tú
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,
Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	649.018.059.499	1.130.079.971.488
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		649.018.059.499	1.130.079.971.488
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	595.852.975.139	1.110.916.737.650
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		53.165.084.360	19.163.233.838
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	8.880.405.920	21.123.255.683
7. Chi phí tài chính	22	5.22	16.040.860.781	25.190.137.918
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>15.904.347.927</i>	<i>12.582.817.230</i>
8. Chi phí bán hàng	25	5.23	4.280.407.085	6.869.975.924
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.24	5.187.895.392	8.560.577.365
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		36.536.327.022	(334.201.686)
11. Thu nhập khác	31	5.25	607.878.927	1.259.688.634
12. Chi phí khác	32	5.26	917.705.706	11.732.290.332
13. Lợi nhuận khác	40		(309.826.779)	(10.472.601.698)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		36.226.500.243	(10.806.803.384)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.28	-	274.760.242
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	5.29	7.650.832.722	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		28.575.667.521	(11.081.563.626)



Nguyễn Thanh Nghĩa

Tổng giám đốc

Bình Dương, ngày 12 tháng 08 năm 2016

Lê Ngọc Khang

Kế toán trưởng

Võ Thị Cẩm Tú

Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,
Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		36.226.500.243	(10.806.803.384)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.828.929.528	3.915.175.815
Các khoản dự phòng	03		(5.987.945.166)	63.369.336
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(111.136.441)	5.368.554.410
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.672.942.158)	(706.353.183)
Chi phí lãi vay	06		15.904.347.927	12.582.817.230
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		44.187.753.933	10.416.760.224
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		145.394.947.464	(7.280.934.941)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		114.812.115.349	127.700.212.506
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(272.371.636.864)	(42.876.721.465)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		572.920.884	14.406.911
Tiền lãi vay đã trả	14		(15.425.721.805)	(12.765.182.264)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(246.450.000)	(2.568.459.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		16.923.928.961	72.640.081.221
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(359.229.345)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		60.000.000	1.427.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(59.147.000.000)	(56.759.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		72.971.027.555	3.794.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.612.942.158	439.038.455
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		17.496.969.713	(51.458.190.890)

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,
 Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,
 Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	5.30	609.143.153.052	639.305.543.398
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	5.31	(648.495.794.063)	(682.075.739.467)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(39.352.641.011)	(42.770.196.069)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(4.931.742.337)	(21.588.305.738)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		20.906.249.112	51.103.593.185
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		111.136.441	47.751.601
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		16.085.643.216	29.563.039.048



Nguyễn Thanh Nghĩa

Tổng giám đốc

Bình Dương, ngày 12 tháng 08 năm 2016

Lê Ngọc Khang

Kế toán trưởng

Võ Thị Cẩm Tú

Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") (được chuyển đổi từ Công ty TNHH thép Đại Thiên Lộc theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4602000250 ngày 11 tháng 07 năm 2001) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700381282 ngày 12 tháng 04 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 13 tháng 06 năm 2014.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 614.356.040.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 43 (31/12/2015: 18).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và mua bán sắt thép.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Ngành nghề sản xuất chính của Công ty là:
 - + Sản xuất thép cán nóng (P/O), thép cán nguội (C/R), mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), thép lá mạ màu (tôn mạ màu), thép lá mạ kẽm (tôn kẽm), thép ống, dập cán sóng tôn, cán xà gồ thép. Sản xuất tôn lợp, cán xà gồ.
 - + Sản xuất các sản phẩm cơ khí, lắp dựng các cấu kiện, nhà kho, dầm cầu trục, các sản phẩm cơ khí phục vụ xây dựng. Sản xuất tấm lợp các loại.
- Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:
 - + Mua bán sắt thép các loại.
 - + Mua bán vật tư nhiên liệu, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất sắt thép và xây dựng.
 - + Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa.
 - + Mua bán nông sản.
 - + Mua bán vỏ, ruột xe.
 - + Mua bán tấm cách nhiệt, tấm lợp các loại.
 - + Xây dựng nhà các loại.
 - + Thi công hệ thống điện công trình.
 - + Thi công hệ thống nước công trình.
 - + Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
 - + Đúc sắt, thép.
 - + Sản xuất thép xây dựng, thép hình.
 - + Chế biến nông sản.
 - + Sản xuất, lắp đặt tấm cách nhiệt.
 - + Sản xuất đồ gỗ gia dụng.
 - + Dịch vụ giao nhận. Dịch vụ khai thuê hải quan, lập dự án đầu tư và tư vấn đầu tư.
 - + Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.
 - + Kinh doanh địa ốc, nhà xưởng. Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghiệp, dân cư đô thị. Cho thuê kho bãi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016.

3.3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm 2015.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tiền mặt	174.944.698	664.911.272
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	611.323.518	4.541.337.840
Các khoản tương đương tiền	15.299.375.000	15.700.000.000
Cộng	16.085.643.216	20.906.249.112

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng.

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng với số tiền là 15.299.375.000 VND được dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty - Xem thêm mục 5.12.

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	56.467.972.445	56.467.972.445	70.292.000.000	70.292.000.000

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 6 tháng với số tiền là 56.467.972.445 VND và được dùng để đảm bảo khoản vay của Công ty - Xem thêm mục 5.12.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,
Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con:				
Công ty TNHH MTV				
Thép Đại Thiên Lộc	637.000.000.000	-	637.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV				
Tôn Đại Thiên Lộc	9.194.000.000	(8.913.112.803)	9.194.000.000	(8.913.112.803)
Cộng	646.194.000.000	(8.913.112.803)	646.194.000.000	(8.913.112.803)
Đầu tư vào đơn vị khác:				
Ngân hàng TMCP				
Công thương Việt	68.477.795	-	68.477.795	-
Nam				
Cộng	68.477.795	-	68.477.795	104.513.400

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con không quan sát được trên thị trường để thuyết minh.

Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam trên cơ sở giá niêm yết trên sàn chứng khoán và số lượng cổ phiếu Công ty nắm giữ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải thu của khách hàng là bên thứ ba:		
Công ty TNHH Cơ Khí Và Xây Dựng DTL	46.998.079.818	24.336.827.602
Các khách hàng khác	21.140.150.510	23.934.742.131
Cộng	68.138.230.328	48.271.569.733
Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 5.32:		
Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	647.438.478	647.438.478
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	1.928.459.265	448.751.005.581
Cộng	2.575.897.743	449.398.444.059
Tổng cộng	70.714.128.071	497.670.013.792

5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Trả trước cho người bán là bên thứ ba:		
Các khách hàng có số dư mỗi khách hàng dưới 10% giá trị các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn	6.924.051.049	17.137.530.058
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 5.32:		
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	49.898.408.940	-
Cộng	56.822.459.989	17.137.530.058

5.5. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về việc chi hộ, cho mượn – Xem thêm mục 5.32.	392.978.005.072	-	125.553.563.860	-
Tiền cho công nhân viên vay	500.000.000	(500.000.000)	500.000.000	(500.000.000)
Tạm ứng	759.206.377	-	1.026.692.061	-
Cầm cố, ký quỹ	4.504.924.544	-	21.588.144	-
Phải thu khác	5.336.079.209	(1.338.493.156)	4.312.116.052	(1.338.493.156)
Cộng	404.078.215.202	(1.838.493.156)	131.413.960.117	(1.838.493.156)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.6. Nợ xấu

	Tại ngày 30/06/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	11.091.174.189	-	11.091.174.189	-

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2016 VND			Tại ngày 01/01/2016 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH SX TM Tôn Tân Thành	2.896.315.858	-	Trên 3 năm	2.896.315.858	-	Trên 3 năm
Các khách hàng khác (Còn lại)	8.194.858.331	-	Trên 3 năm	8.194.858.331	-	Trên 3 năm
Cộng	11.091.174.189	-		11.091.174.189	-	

5.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	29.810.655.322	-	44.449.026.172	-
Nguyên liệu, vật liệu	114.697.538.912	-	145.534.881.163	(237.205.366)
Công cụ, dụng cụ	2.455.184.667	-	2.459.923.858	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	824.237.037	-	824.237.037	-
Thành phẩm	39.049.893.479	(205.234.747)	61.612.728.729	(5.212.785.494)
Hàng hóa	183.434.444.168	-	230.957.236.631	(743.189.053)
Cộng	370.271.953.585	(205.234.747)	485.838.033.590	(6.193.179.913)

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay tại ngày 30/06/2016 là 369.826.441.187 VND, trong đó: hàng nhập khẩu là 2,543,009.61 USD với tỷ giá là 22.340 USD/VND, hàng trong nước/sản xuất là 313.015.606.500 VND – Xem thêm mục 5.12.

Việc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: đã bán hàng tồn kho năm trước lập dự phòng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.8. Tài sản dở dang dài hạn

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Sửa chữa lớn tài sản cố định	2.127.044.191	1.373.079.535
Khác	641.226.527	641.226.527
Cộng	2.768.270.718	2.014.306.062

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,
Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2016	17.168.175.072	44.540.931.423	5.302.915.317 (513.780.000)	343.943.278	67.355.965.090 (513.780.000)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2016	17.168.175.072	44.540.931.423	4.789.135.317	343.943.278	66.842.185.090
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2016	10.323.336.058	34.608.396.164	4.222.744.625	343.943.278	49.498.420.125
Khấu hao trong kỳ	451.190.274	1.065.183.754	164.002.460	-	1.680.376.488
Giảm khác	-	-	(513.780.000)	-	(513.780.000)
Tại ngày 30/06/2016	10.774.526.332	35.673.579.918	3.872.967.085	343.943.278	50.665.016.613
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2016	6.844.839.014	9.932.535.259	1.080.170.692	-	17.857.544.965
Tại ngày 30/06/2016	6.393.648.740	8.867.351.505	916.168.232	-	16.177.168.477

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 27.897.294.230 VND;

Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2016 của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, bảo lãnh cho các khoản vay của Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc là 1.661.029.026 VND – Xem thêm mục 5.32.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2016	13.730.727.730	91.299.000	13.822.026.730
Tại ngày 30/06/2016	13.730.727.730	91.299.000	13.822.026.730
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2016	2.739.571.131	79.886.609	2.819.457.740
Khấu hao trong kỳ	142.846.854	5.706.186	148.553.040
Tại ngày 30/06/2016	2.882.417.985	85.592.795	2.968.010.780
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2016	10.991.156.599	11.412.391	11.002.568.990
Tại ngày 30/06/2016	10.848.309.745	5.706.205	10.854.015.950

Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2016 của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp cho các khoản vay là 8.415.363.845 VND – Xem thêm mục 5.12.

5.11. Chi phí trả trước

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Ngắn hạn:		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	288.237	865.065
Dài hạn:		
Chi phí thuê đất và cơ sở hạ tầng ở KCN	43.997.012.165	44.568.401.933
Các khoản khác	1.751.318	2.705.606
Cộng	43.998.763.483	44.571.107.539

Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2016 của quyền sử dụng đất thuê đã dùng để thế chấp, bảo lãnh cho các khoản vay tại Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc là 43.997.012.165 VND – Xem thêm mục 5.32.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thành 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,
Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.12. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2016		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngân hàng	542.095.449.811	542.095.449.811	609.143.153.052	648.459.794.063	581.412.090.822	581.412.090.822
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	36.000.000	36.000.000	36.000.000
Cộng	542.095.449.811	542.095.449.811	609.143.153.052	648.495.794.063	581.448.090.822	581.448.090.822

Các khoản vay ngân hàng dùng để bổ sung vốn lưu động và mua nguyên vật liệu, chịu lãi suất từ 6,0% đến 7,5%/hăm đối với VND và từ 2,5% đến 4,3% đối với USD. Các khoản vay này được đảm bảo bằng số dư tiền gửi ngân hàng, hàng tồn kho, tài sản cố định vô hình và tài sản của bên có liên quan - Xem thêm mục 5.1, 5.2, 5.7, 5.10 và mục 5.32.

	Tại ngày 30/06/2016		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	-	-	-	36.000.000	36.000.000	36.000.000
Từ 1 năm trở xuống	465.000.000	465.000.000	-	-	465.000.000	465.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	465.000.000	465.000.000	-	36.000.000	501.000.000	501.000.000
Trừ vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	(36.000.000)	(36.000.000)	(36.000.000)
Số phải trả trên 1 năm	465.000.000	465.000.000	-	-	465.000.000	465.000.000

Các khoản vay dài hạn với số tiền 465.000.000 VND là khoản vay bên liên quan có thời gian 28 tháng dưới hình thức tín chấp với lãi suất 0% - Xem thêm mục 5.32.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,
Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn cho bên thứ ba:				
Hong Kong Rand International Co., Ltd	42.414.657.808	42.414.657.808	36.074.541.109	36.074.541.109
Công ty TNHH Sản Xuất Thép Tâm Đức	20.000.000.000	20.000.000.000	29.360.446.115	29.360.446.115
Sino Commodities International Pte. Ltd	28.517.957.302	28.517.957.302	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	45.775.275.325	45.775.275.325	305.935.049.947	305.935.049.947
Cộng	136.707.890.435	136.707.890.435	371.370.037.171	371.370.037.171
Phải trả người bán ngắn hạn cho các bên liên quan – Xem thêm mục 5.32:				
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	6.837.756.455	6.837.756.455	199.420.090.580	199.420.090.580
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thép Thiên Lộc	253.143.755	253.143.755	253.143.755	253.143.755
Cộng	7.090.900.210	7.090.900.210	199.673.234.335	199.673.234.335
Tổng cộng	143.798.790.645	143.798.790.645	571.043.271.506	571.043.271.506

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,
Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.14. Người mua trả tiền trước ngân hàng**

	Tại ngày 30/06/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Người mua trả tiền trước ngân hàng là bên thứ ba: Các khách hàng có số dư mỗi khách hàng dưới 10% giá trị các khoản người mua trả tiền trước ngân hàng	6.642.935.433	6.642.935.433	15.587.318.266	15.587.318.266
Cộng	6.642.935.433	6.642.935.433	15.587.318.266	15.587.318.266

Người mua trả tiền trước ngân hàng là các bên liên quan – Xem
thêm mục 5.32:

Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc

Tổng cộng**5.15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2016 VND		Tại ngày 30/06/2016 VND	
	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Giảm khác	Phải thu Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	2.245.779.780	-	2.061.283
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	33.694.171.434	-	355.802.101
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.790.510.631	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	103.086.243	(103.086.243)	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	307.190.536	(307.190.536)	-
Các loại thuế khác	462.000	49.093.200	(462.000)	-
Cộng	462.000	37.779.555.045	(410.738.779)	1.180.737.210
		(45.055.394.106)	(357.863.384)	13.320.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.16. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	410.276.779	-
Bảo hiểm xã hội	1.120.863	-
Bảo hiểm y tế	194.035	17.083.325
Bảo hiểm thất nghiệp	187.852	3.685.042
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	152.737.500	152.737.500
Các khoản phải trả liên quan đến thu hộ, chi hộ, tiền mượn các bên có liên quan – Xem thêm mục 5.32	47.458.795.990	41.054.090.315
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.756.360.516	3.798.517.707
Cộng	49.779.673.535	45.026.113.889

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thành 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,
Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.17. Vốn chủ sở hữu****5.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						Cộng
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2015	614.356.040.000	160.764.683.540	(58.638.685.584)	26.956.805.237	2.512.121.366	39.074.436.620	785.025.401.179
Lợi nhuận 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	-	-	(11.081.563.626)	(11.081.563.626)
Trích lập quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu	-	-	-	327.674.297	31.000.000	(358.674.297)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(196.604.578)	(196.604.578)
Chi quỹ	-	-	-	-	(31.000.000)	-	(31.000.000)
Số dư tại ngày 30/06/2015	614.356.040.000	160.764.683.540	(58.638.685.584)	27.284.479.534	2.512.121.366	27.437.594.119	773.716.232.975
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	-	-	(33.455.592.612)	(33.455.592.612)
Số dư tại ngày 01/01/2016	614.356.040.000	160.764.683.540	(58.638.685.584)	27.284.479.534	2.512.121.366	(6.017.998.493)	740.260.640.363
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	-	-	28.575.667.521	28.575.667.521
Chi quỹ	-	-	-	-	(38.000.000)	-	(38.000.000)
Số dư tại ngày 30/06/2016	614.356.040.000	160.764.683.540	(58.638.685.584)	27.284.479.534	2.474.121.366	22.557.669.028	768.798.307.884



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.17.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu theo mệnh giá

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Vốn góp của các cổ đông	614.356.040.000	614.356.040.000

5.17.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	61.435.604	61.435.604
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng:	61.435.604	61.435.604
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ):	3.227.840	3.227.840
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành:	58.207.764	58.207.764

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần

5.17.4. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND
Tại ngày 01/01/2016	27.284.479.534	2.512.121.366
Chi trong kỳ	-	(38.000.000)
Tại ngày 30/06/2016	27.284.479.534	2.474.121.366

5.18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Ngoại tệ các loại:		
USD	5.263,23	6.290,82
EUR	100,26	100,26
	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Nợ khó đòi đã xử lý:	1.812.487.702	1.812.487.702

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,
 Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,
 Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu:		
Doanh thu bán hàng	551.614.854.022	1.034.047.035.831
Doanh thu bán thành phẩm	67.038.351.703	96.032.935.657
Doanh thu bán phế liệu	30.364.853.774	-
Cộng	649.018.059.499	1.130.079.971.488
Trong đó, doanh thu đối với các bên có liên quan – Xem thêm mục 5.32 Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	111.089.616.107	781.358.199.390

5.20. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	506.398.535.474	1.019.533.946.288
Giá vốn của thành phẩm đã bán	65.466.967.921	91.319.422.191
Giá vốn phế liệu	29.975.416.910	-
Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	(5.987.945.166)	63.369.171
Cộng	595.852.975.139	1.110.916.737.650

5.21. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.612.942.158	439.038.455
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.156.327.321	463.892.776
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	111.136.441	-
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	-	20.220.324.452
Cộng	8.880.405.920	21.123.255.683

5.22. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	15.904.347.927	12.582.817.230
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	136.512.854	7.238.766.278
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	5.368.554.410
Cộng	16.040.860.781	25.190.137.918

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘCĐịa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,
Tỉnh Bình Dương**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.23. Chi phí bán hàng**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	-	685.430.340
Chi phí vận chuyển	3.025.827.811	3.304.374.575
Chi phí xuất khẩu	1.138.320.387	2.559.025.526
Chi phí khác	116.258.887	321.145.483
Cộng	4.280.407.085	6.869.975.924

5.24. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	1.824.583.148	1.309.383.674
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	72.893.397	474.598.709
Chi phí khấu hao tài sản cố định	208.772.736	863.895.707
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.052.838.440	3.456.871.107
Chi phí khác	2.028.807.671	2.455.828.168
Cộng	5.187.895.392	8.560.577.365

5.25. Thu nhập khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	60.000.000	267.314.728
Tiền phạt thu được	444.420.900	-
Thu nhập khác	103.458.027	992.373.906
Cộng	607.878.927	1.259.688.634

5.26. Chi phí khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Các khoản bị phạt	4.000.000	8.683.022.239
Chi phí khấu hao tài sản cố định không hoạt động	822.551.766	2.995.610.902
Các khoản khác	91.153.940	53.657.191
Cộng	917.705.706	11.732.290.332

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	53.012.198.804	74.192.600.035
Chi phí nhân công	1.824.583.148	2.859.441.854
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.828.929.528	919.564.913
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.699.145.782	8.034.742.456
Chi phí khác bằng tiền	12.384.791.275	10.545.846.496
Cộng	90.749.648.537	96.552.195.754

5.28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	36.226.500.243	(10.806.803.384)
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	2.029.496.298	13.645.758.682
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	(955.263.678)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	38.255.996.541	1.883.691.620
Chuyển lỗ	(38.255.996.541)	(634.781.431)
Thu nhập tính thuế sau chuyển lỗ	-	1.248.910.189
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	22%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ này	-	274.760.242

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

5.29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là tài sản thuế TNDN hoãn lại đối với khoản lỗ tính thuế các năm trước ghi nhận vào chi phí của kỳ này.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại của Công ty và những biến động trong năm và năm trước được trình bày như sau:

	Các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng VND
Tại ngày 01/01/2016	(7.899.531.003)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh kỳ này	7.650.832.722
Tại ngày 30/06/2016	(248.698.281)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,
Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.30. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Kỳ này VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	609.143.153.052
Cộng	609.143.153.052

5.31. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	648.495.794.063
Cộng	648.495.794.063

5.32. Thông tin về các bên có liên quan

Trong kỳ, Công ty có các đơn vị và cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26, và giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ được xác định như bên dưới:

Danh sách các bên liên quan

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	Công ty con
2. Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	Công ty con
3. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
4. Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
5. Bà Nguyễn Thanh Dung	Quan hệ ruột thịt với thành viên BTGD và HĐQT
6. Bà Nguyễn Thanh Loan	Quan hệ ruột thịt với thành viên BTGD và HĐQT
7. Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thép Thiên Lộc	Công ty thuộc sở hữu cá nhân liên quan

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng – Xem thêm mục 5.3:		
Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	647.438.478	647.438.478
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	1.928.459.265	448.751.005.581
Cộng	2.575.897.743	449.398.444.059

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘCĐịa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,
Tỉnh Bình Dương**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn – Xem thêm mục 5.4: Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	49.898.408.940	-
	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải thu ngắn hạn khác – Xem thêm mục 5.5: Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	392.978.005.072	125.553.563.860
	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải trả người bán ngắn hạn – Xem thêm mục 5.13: Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thép Thiên Lộc	(6.837.756.455) (253.143.755)	(199.420.090.580) (253.143.755)
Cộng	(7.090.900.210)	(199.673.234.335)
	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Người mua trả tiền trước ngắn – Xem thêm mục 5.14: Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	(166.363.169.866)	-
Cộng	(166.363.169.866)	-
	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải trả khác – Xem thêm mục 5.16: Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thép Thiên Lộc Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	(1.627.054.897) (45.720.214.943) (99.846.900) (11.679.250)	(1.627.054.897) (39.315.509.268) (99.846.900) (11.679.250)
Cộng	(47.458.795.990)	(41.054.090.315)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,
Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Vay – Xem thêm mục 5.12: Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	(465.000.000)	(465.000.000)
Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ như sau:		
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng – Xem thêm mục 5.19: Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	111.089.616.107	781.358.199.390
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua hàng: Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	49.380.031.474	476.160.501.234
Giá bán hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.		
Các khoản công nợ phải thu không có đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc cần trừ công nợ. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.		
Công ty cũng cung cấp và nhận tiền từ các bên có liên quan khi cần để bổ sung vốn lưu động. Các khoản tiền mượn và cho mượn không chịu lãi suất. Khoản vay từ các bên có liên quan chịu lãi suất là 0%.		
Cam kết bảo lãnh:		
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá trị bảo lãnh và thế chấp cho các bên có liên quan - Xem thêm mục 5.9 và 5.11: Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	45.658.041.191	47.060.356.918
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá trị được bảo lãnh, thế chấp từ các bên có liên quan - Xem thêm mục 5.12: Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	206.208.191.341	625.722.075.247
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá trị được bảo lãnh, thế chấp từ cá nhân có liên quan - Xem thêm mục 5.12: Các cá nhân liên quan đến Công ty	374.153.400.000	149.064.400.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,
Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Thù lao và thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám được chi tiết như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thù lao Hội đồng quản trị	35.000.000	31.000.000
Thu nhập Tổng Giám đốc	-	127.702.100
Cộng	35.000.000	158.702.100

5.33. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính riêng.

6. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 12 tháng 08 năm 2016.



(Signature)
Nguyễn Thanh Nghĩa
 Tổng giám đốc
 Bình Dương, ngày 12 tháng 08 năm 2016

(Signature)
Lê Ngọc Khang
 Kế toán trưởng

(Signature)
Võ Thị Cẩm Tú
 Người lập